

GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

XUẤT PHÁT ĐIỂM NGHIÊN CỨU CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNGGHEN TRONG “HỆ TƯ TƯỞNG ĐỨC”

LƯƠNG MỸ VÂN (*)

Xuất phát điểm nghiên cứu là một trong những vấn đề mà C.Mác và Ph.Ăngghen đặc biệt chú trọng khi xây dựng học thuyết của mình. Trong “Hệ tư tưởng Đức”, khi đề xuất quan niệm duy vật về lịch sử, các ông đã xuất phát từ con người “cá nhân hiện thực” với tất cả những mối quan hệ, liên hệ phong phú và phức tạp của họ trong đời sống xã hội, với hoạt động lao động sản xuất của họ và coi đó là xuất phát điểm nghiên cứu. Với xuất phát điểm đúng đắn này, các ông không chỉ luận giải những luận điểm khoa học về đời sống xã hội của con người, về lịch sử nhân loại và xây dựng nên quan niệm duy vật về lịch sử, mà còn phê phán và chỉ ra những hạn chế duy tâm, tư biện trong quan niệm của các nhà “triết học Đức hiện đại” (L.Phơibắc, B.Bauơ, M.Stiécnơ,...).

Trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành một học thuyết khoa học, vấn đề xuất phát điểm nghiên cứu luôn là một trong những vấn đề quan trọng nhất. Với bất cứ học thuyết khoa học nào, trong giai đoạn đầu, xuất phát điểm nghiên cứu có thể kể tới xuất phát điểm về đối tượng, về lập trường nghiên cứu (khi học thuyết khoa học chưa được hình thành một cách đầy đủ, thì hệ thống phương pháp của học thuyết ấy cũng chưa thể hình thành một cách hoàn chỉnh và người ta chỉ có thể nói tới lập trường tư tưởng của nhà khoa học lúc đó mà thôi) và về mục đích nghiên cứu (cái đích khái quát nhất mà nhà nghiên cứu hướng tới khi bước đầu tiếp cận đối tượng nghiên cứu). Ở đây, chúng tôi không có ý định hướng sự quan tâm của mình vào việc tìm hiểu cái gì quy định xuất phát điểm nghiên cứu này, bởi nó liên quan mật thiết với những vấn đề thuộc phạm vi khác, như hoàn cảnh lịch sử, bối cảnh phát triển của tư tưởng và văn hóa mà các nhà nghiên cứu sống và trưởng thành trong đó, những thiên hướng tự nhiên của họ, v.v..

Chúng tôi chỉ đề cập tới một khía cạnh khác – đó là, để có thể diễn đạt một cách trực tiếp, rành mạch về xuất phát điểm nghiên cứu, đặc biệt là xuất phát điểm về đối tượng, thì nhà nghiên cứu phải trải qua giai đoạn xây dựng học thuyết và ít nhất cũng đã có được một sự hình dung tương đối rõ ràng về hệ thống những quan điểm, lý luận của mình.

Đối với triết học Mác - Lênin, chúng ta có thể nhận thấy điều này một cách dễ dàng. Rõ ràng là, trong thời kỳ đầu hoạt động của C.Mác và Ph.Ăngghen, khi viết những tác phẩm đầu tay, như *Lời nói đầu Phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*, *Bản thảo kinh tế – triết học năm 1844*, *Tình cảnh giai cấp công nhân Anh*, *Gia đình thần thánh* và ngay cả trong *Luận cương về Phơibắc*, các ông chưa thể có được cách diễn đạt trực tiếp về xuất phát điểm nghiên cứu của mình, dấu lập trường nghiên cứu của các ông đã dần được hình thành. Có thể nói, phải đến *Hệ tư tưởng*

(*) Nghiên cứu viên, Phòng Triết học phương Tây, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Đức – tác phẩm được coi là quan trọng nhất trong thời kỳ đầu hình thành triết học Mác – “xác lập hệ thống lý luận quan điểm duy vật lịch sử”(1), thì C.Mác và Ph.Ăngghen mới có thể tuyên bố: “Những tiền đề của chúng tôi không phải là những tiền đề tùy tiện, không phải là giáo điều; đó là những tiền đề hiện thực mà người ta chỉ có thể bỏ qua trong trí tưởng tượng thôi”(2). Bởi lẽ, khi viết tác phẩm này, theo Ph.Ăngghen, bản thân các ông đã tự “làm sáng tỏ mọi vấn đề”(3) cho mình rồi.

Trong *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đặt sự quan tâm của mình vào xuất phát điểm nghiên cứu. Điều này cũng có nguyên nhân lịch sử của nó. *Hệ tư tưởng Đức* có phụ đề là *Phê phán triết học Đức hiện đại qua các đại biểu của nó là Phoiơbắc, B.Bauơ và Stiécơ* và *phê phán chủ nghĩa xã hội Đức qua các nhà tiên tri khác nhau của nó*. Khi “phê phán triết học Đức hiện đại”, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đặc biệt chú ý tới xuất phát điểm nghiên cứu của mỗi đại biểu trên. Các ông không chỉ vạch rõ tính chất duy tâm trong xuất phát điểm của họ, mà còn chỉ rõ từ xuất phát điểm ấy, họ đã phạm những sai lầm như thế nào khi xây dựng quan điểm lịch sử. Để đối lập với những quan điểm ấy, các ông đã nêu lên xuất phát điểm cho triết học của mình và với xuất phát điểm này, quan niệm của các ông về lịch sử đã có những khác biệt, có sự phát triển về cơ bản. Vì nguyên nhân đó mà các tác giả của *Lịch sử chủ nghĩa Mác* đã nhận xét: “Sự bàn bạc và phân tích lý luận quan điểm duy vật lịch sử trong *Hệ tư tưởng Đức*, chủ yếu phân làm ba bộ phận: điểm xuất phát, quan điểm cơ bản và kết luận rút ra từ đó”(4). Theo đó, điểm xuất phát mà các ông đã đưa ra được đánh giá là một trong ba thành phần làm nên “quan điểm duy vật

về lịch sử”, tức là làm nên giá trị to lớn nhất của tác phẩm này. Và, xuất phát điểm nghiên cứu của C.Mác và Ph.Ăngghen trong *Hệ tư tưởng Đức* cũng là đối tượng của bài viết này.

1. “*Những cá nhân hiện thực*” – xuất phát điểm nghiên cứu của C.Mác và Ph.Ăngghen

Hệ tư tưởng Đức, xét theo tên gọi thuần túy, là một tác phẩm bút chiến, có mục đích là phê phán các trào lưu tư tưởng đang có những tác hại đối với phong trào hiện thực của giai cấp công nhân. Tuy nhiên, để đánh đổ lý luận của các nhà tư tưởng ấy bằng lý luận, theo C.Mác và Ph.Ăngghen, cần phải phát biểu trực tiếp những quan điểm của riêng mình và tiến hành phê phán một cách thật sự cách mạng đối với lý luận của các nhà tư tưởng ấy, chứ không thể chỉ nói một cách đơn giản rằng “quan điểm của các ông Phoiơbắc, B.Bauơ và Stiécơ là sai lầm”.

Nhìn lại lịch sử triết học, có thể thấy, ngay từ thời Hy Lạp cổ đại, “con người” đã là chủ đề được đặc biệt quan tâm. Cùng với luận điểm của Xôcrát – “con người hãy nhận thức chính mình”, triết học đã thật sự thừa nhận “con người” là đối tượng của sự nghiên cứu. Từ đó về sau, mọi nền triết học, mọi nhà triết học, dù đặt mỗi quan tâm của mình vào bất cứ đối tượng nào, cuối cùng cũng phải kết thúc lập luận của mình ở những nghiên cứu về con người. Nhưng, nếu chỉ nói về “con người” thì chưa

(1) Viện Nghiên cứu Lịch sử chủ nghĩa Mác - Lênin, Trường Đại học nhân dân Trung Quốc. *Lịch sử chủ nghĩa Mác*, t.1. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.211.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.28.

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.21, tr.322.

(4) Viện Nghiên cứu Lịch sử chủ nghĩa Mác - Lênin, Trường Đại học nhân dân Trung Quốc. *Lịch sử chủ nghĩa Mác*. *Sđđ.*, tr.223.

đủ. Vấn đề là con người như thế nào, con người được quan niệm như thế nào ở mỗi trường phái, mỗi nhà triết học – khi đó, quan niệm về “con người” đã đứng trên một lập trường thế giới quan nhất định và vì thế, qua những nghiên cứu về “con người” của các nhà triết học, người ta có thể nhận ra lập trường tư tưởng, quan niệm về thế giới của họ và nhận ra cuộc đấu tranh giữa những tư tưởng ấy trong suốt chiều dài lịch sử triết học.

Khi xây dựng quan điểm duy vật về lịch sử – quan niệm lấy lịch sử con người làm đối tượng, trong *Hệ tư tưởng Đức*, lần đầu tiên, C.Mác và Ph.Ăngghen đã trình bày một cách trực tiếp về xuất phát điểm, về đối tượng nghiên cứu của mình: con người cá nhân, cụ thể hơn, “những cá nhân hiện thực”. Các ông viết: “Những tiền đề xuất phát của chúng tôi không phải là những tiền đề trừu tượng, không phải là giáo điều; đó là những tiền đề hiện thực mà người ta chỉ có thể bỏ qua trong trí tưởng tượng thôi. Đó là những cá nhân hiện thực, là hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ, những điều kiện mà họ thấy có sẵn cũng như những điều kiện do hoạt động của chính họ tạo ra. Như vậy, những tiền đề ấy là có thể kiểm nghiệm được bằng con đường kinh nghiệm thuần túy”(5).

“Những cá nhân hiện thực” này được C.Mác và Ph.Ăngghen đặt trên nền tảng duy vật triệt để (xuất phát điểm về lập trường thế giới quan): “hoàn toàn không giống với triết học Đức là thứ triết học đi từ trên trời xuống đất, ở đây chúng ta từ dưới đất đi lên trời”(6). “Từ dưới đất”, tức là “chúng ta xuất phát từ những con người đang hành động, hiện thực”(7), đúng như những con người đang hoạt động ngoài cuộc sống (ngoài so với tư tưởng đang vận

động trong đầu các nhà triết học), với hoạt động sản xuất và những quan hệ của họ với nhau, con người “kinh nghiệm”, hoàn toàn có thể tìm hiểu bằng kinh nghiệm.

Ở đây, chúng ta cần dừng lại để bàn thêm về một khía cạnh nhỏ nhưng tinh tế của vấn đề. Đó là: trong *Hệ tư tưởng Đức*, đặc biệt là ở chương 1, C.Mác và Ph.Ăngghen đã xây dựng quan điểm về lịch sử loài người – quan điểm về lịch sử được bắt đầu từ đâu? Cái gì quy định sự phân kỳ và phát triển của lịch sử? Lịch sử sẽ đi đến đâu? Không chủ đích đi tìm “bản chất con người” hay xem xét “con người” ở những khía cạnh phong phú của nó, các ông đã xem xét “con người” với tư cách “tiền đề đầu tiên của lịch sử”. Con người “cá nhân hiện thực” ở đây được bàn đến như là xuất phát điểm cho lịch sử cũng như cho việc nghiên cứu về lịch sử, chứ không phải chỉ là đối tượng của sự nghiên cứu lý luận. Và, bởi “con người cá nhân” được xem xét như là xuất phát điểm, nên các ông chỉ hướng sự quan tâm của mình vào một phương diện của vấn đề con người – hoạt động của con người, cái làm nên lịch sử loài người.

Quan tâm đến hoạt động của con người, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nói về mối quan hệ cá nhân – xã hội. Đó không phải là mối quan hệ giữa cá nhân kiệt xuất với quần chúng nhân dân, mà là giữa những cá nhân bình thường, hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt của họ, với xã hội, với loài của mình. Trước *Hệ tư tưởng Đức*, trong *Luận cương về Phoiơbắc*, C.Mác đã đưa ra một kết luận quan trọng về vấn đề này: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”. Đến *Hệ tư tưởng Đức*, con người

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr. 28-29.

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr. 37.

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr. 37.

hiện thực, “cá nhân hiện thực” và mối quan hệ của nó với xã hội đã được C.Mác và Ph.Ăngghen làm rõ khi khẳng định rằng, chỉ có trong mối quan hệ với xã hội, cá nhân mới hình thành được bản chất người; rằng, không thể có cá nhân riêng lẻ, tách biệt khỏi xã hội, bởi một khi bị tách khỏi xã hội, nó không bao giờ trở thành cá nhân được. Nói về mối quan hệ giữa con người “cá nhân hiện thực” với xã hội của họ, với lịch sử hiện thực mà trong đó họ đang tồn tại, các ông cho rằng, “ngay từ đầu, đã có mối liên hệ vật chất giữa người với người, mối liên hệ này bị quy định bởi những nhu cầu và phương thức sản xuất và cũng lâu đời như bản thân loài người, - một mối liên hệ không ngừng mang hình thức mới, và do đó, là “lịch sử””(8). Như vậy, theo các ông, bản thân lịch sử chính là mối quan hệ ấy, là mối quan hệ mang tính vật chất ấy giữa những con người “cá nhân hiện thực” và giữa họ với xã hội của họ.

Khi nói “tiền đề đầu tiên của toàn bộ lịch sử nhân loại thì dĩ nhiên là sự tồn tại của những cá nhân con người sống”(9), C.Mác và Ph.Ăngghen đã gián tiếp khẳng định con người “cá nhân hiện thực” là chủ thể sáng tạo lịch sử – “cá nhân hiện thực” với hành động hiện thực của họ tạo nên lịch sử và quyết định sự phát triển của lịch sử ấy. Mặt khác, do coi “lịch sử” mới thật sự là đối tượng cần được xem xét, nên vấn đề lịch sử quyết định sự hình thành và phát triển của “cá nhân hiện thực” đã được các ông phát biểu một cách trực tiếp hơn: “Những cá nhân là như thế nào, điều đó phụ thuộc vào những điều kiện vật chất của sự sản xuất của họ”; “những cá nhân nhất định, hoạt động sản xuất theo một phương thức nhất định, đều nằm trong những quan hệ xã hội và chính trị nhất định”(10). Rằng, “những điều kiện vật chất

của sự sản xuất” là cái mà những cá nhân thừa hưởng từ trước, “có sẵn” đối với họ, là cái mà họ được tiếp nhận từ xã hội và lịch sử để từ nền tảng đó, họ tiến hành sản xuất, tham gia những quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội khác. Những cá nhân như vậy luôn chịu sự quy định của xã hội và của lịch sử loài của mình. Với quan niệm này, các ông đã đi đến kết luận: “Con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy”(11).

Với xuất phát điểm nghiên cứu là con người “cá nhân hiện thực” với tư cách tiền đề đầu tiên của mọi lịch sử, tồn tại trong mối quan hệ với lịch sử, với xã hội, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đi đến những quan điểm duy vật về lịch sử.

2. Từ “cá nhân hiện thực” đến những quan điểm duy vật về lịch sử

Xuất phát từ “tiền đề đầu tiên của lịch sử” – con người “cá nhân hiện thực” đến việc phân tích mối quan hệ giữa con người và xã hội, mà khía cạnh quan trọng nhất của nó là khía cạnh vật chất, rồi từ đó, trình bày những quan điểm duy vật về lịch sử với tư cách một hệ thống cùng những khái niệm đặc thù của nó, có thể nói, là một nội dung cốt lõi của *Hệ tư tưởng Đức*.

Dương nhiên, *Hệ tư tưởng Đức* chỉ là tác phẩm ở thời kỳ đầu hình thành quan điểm duy vật về lịch sử, đây đây là tác phẩm quan trọng nhất của thời kỳ này. Trong tác phẩm này, cái mà chúng ta gọi là hệ thống quan điểm duy vật về lịch sử chưa được C.Mác và Ph.Ăngghen trình bày một cách rành mạch như trong các tác phẩm ở giai đoạn sau (ví dụ, *Lời tựa Góp phần phê*

(8) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr. 43.

(9) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr. 29.

(10) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr. 30, 36.

(11) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr. 55.

phán khoa kinh tế chính trị, Chống Duyrinh, v.v.). Hệ thống ấy có thể rút lại trong hai nguyên lý quan trọng nhất, hai nguyên lý cốt lõi của chủ nghĩa duy vật lịch sử: nguyên lý về sự phát triển biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất và nguyên lý về mối quan hệ biện chứng giữa xã hội công dân và kiến trúc thượng tầng. Khi trình bày những nguyên lý này, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sử dụng những thuật ngữ cơ bản nhất của chủ nghĩa duy vật lịch sử: phương thức sản xuất, quan hệ sản xuất (“hình thức giao tiếp”), cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng, ý thức xã hội,... Những thuật ngữ này không được các ông định nghĩa một cách trực tiếp (theo lối A là B), nhưng thông qua quan hệ giữa chúng với nhau để tạo nên nội dung của những nguyên lý phản ánh lịch sử hiện thực, các ông đã cho chúng ta thấy nội hàm của chúng.

Hai nguyên lý nền tảng của chủ nghĩa duy vật lịch sử được C.Mác và Ph.Ăngghen trình bày trong *Hệ tư tưởng Đức* có quan hệ như thế nào với xuất phát điểm nghiên cứu của các ông – con người “cá nhân hiện thực”? Hay nói cách khác, từ xuất phát điểm đó, các ông đã đi đến hai nguyên lý nền tảng của chủ nghĩa duy vật lịch sử như thế nào?

Có thể nói, trong tất cả những yếu tố của lịch sử hiện thực, C.Mác và Ph.Ăngghen đã tìm ra yếu tố đóng vai trò xuất phát, yếu tố mà có nó mới có những yếu tố còn lại: “Những cá nhân hiện thực, hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ”. Những cá nhân hiện thực này thực hiện “hành vi lịch sử đầu tiên” của họ là sản xuất, cái mà “ngay lập tức” phân biệt con người với toàn bộ giới tự nhiên còn lại. Hành vi này được tiến hành trong mối quan hệ giữa người và người. Từ

xuất phát điểm này, các ông đã đi đến quan niệm về lực lượng sản xuất với tư cách kết quả hoạt động sản xuất của con người ở mỗi thời điểm lịch sử nhất định và đến quan niệm về quan hệ sản xuất (“hình thức giao tiếp”) với tư cách những mối quan hệ trong quá trình sản xuất của những con người “cá nhân hiện thực”. Mặc dù chưa đưa ra định nghĩa chính xác về các khái niệm này, nhưng mỗi khi đề cập đến lực lượng sản xuất hay “hình thức giao tiếp”, các ông đều nhất quán khẳng định lực lượng sản xuất là cái quyết định: “Tổng thể những lực lượng sản xuất mà con người đã đạt được, quyết định trạng thái xã hội”(12); “hình thức giao tiếp – cái mà trong tất cả các giai đoạn lịch sử từ trước tới nay đều được quyết định bởi lực lượng sản xuất và đến lượt nó lại quyết định lực lượng sản xuất”(13). Ngay trong tác phẩm này, các ông cũng đã đưa ra một phác thảo rõ nét về quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất: “Trong quá trình phát triển của lực lượng sản xuất có một giai đoạn mà trong đó xuất hiện những lực lượng sản xuất và những phương tiện giao tiếp chỉ có thể gây tác hại trong khuôn khổ những quan hệ hiện có, và đã không còn là những lực lượng sản xuất nữa mà lại là những lực lượng phá hoại”(14).

Coi “hình thức giao tiếp” là quan hệ sản xuất giữa những con người “cá nhân hiện thực”, là yếu tố cốt lõi tạo nên xã hội công dân, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đưa ra một định nghĩa về xã hội công dân: “Xã hội công dân bao trùm toàn bộ sự giao tiếp vật chất của các cá nhân trong một giai đoạn phát triển nhất định của lực lượng sản

(12) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, tr. 42.

(13) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, tr. 51.

(14) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, tr. 99.

xuất”(15). Định nghĩa xã hội công dân như vậy, có thể nói, gần với nội hàm của khái niệm “cơ sở hạ tầng” mà sau này, trong *Lời tựa Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị* (1859), C.Mác đã đưa ra: “Trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình, con người có những quan hệ nhất định, tất yếu, không tùy thuộc vào ý muốn của họ – tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất của họ. Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực trên đó dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị và những hình thái ý thức xã hội nhất định tương ứng với cơ sở hiện thực đó”(16). Xã hội công dân với tư cách nền tảng của kiến trúc thượng tầng (những quan hệ khác ngoài quan hệ sản xuất – quan hệ chính trị, pháp lý...) đã được C.Mác và Ph.Ăngghen phân tích kỹ khi nói đến ý thức thống trị trong đời sống xã hội – ý thức của giai cấp thống trị về vật chất. Ở đây, cái quyết định cuối cùng vẫn là vật chất và trong đời sống xã hội, đó là hoạt động sản xuất ra của cải vật chất của những con người “cá nhân hiện thực”.

Như vậy, có thể nói, trong mọi vấn đề của chủ nghĩa duy vật lịch sử được đưa ra trong *Hệ tư tưởng Đức*, chúng ta luôn tìm thấy dấu ấn của xuất phát điểm nghiên cứu của C.Mác và Ph.Ăngghen – con người “cá nhân hiện thực”. Kết luận sau đây của chính các ông đã cho thấy rõ điều đó:

“Quan niệm đó (quan niệm duy vật biện chứng – L.M.V) về lịch sử là: phải xuất phát từ chính ngay sự sản xuất vật chất ra đời sống trực tiếp để xem xét quá trình hiện thực của sản xuất và hiểu hình thức giao tiếp gắn liền với phương thức sản xuất ấy và do phương thức sản xuất ấy sinh ra –

tức là xã hội công dân ở những giai đoạn khác nhau của nó – là cơ sở của toàn bộ lịch sử; rồi sau đó phải miêu tả hoạt động của xã hội công dân trong lĩnh vực sinh hoạt nhà nước, cũng như xuất phát từ xã hội công dân mà giải thích toàn bộ những sản phẩm lý luận khác nhau và mọi hình thái ý thức, triết học, đạo đức, v.v., và theo dõi quá trình phát sinh của chúng trên cơ sở đó; nhờ vậy mà tất nhiên là có thể miêu tả được toàn bộ quá trình”(17).

3. Sự phê phán của C.Mác và Ph.Ăngghen đối với các nhà “triết học Đức hiện đại” về xuất phát điểm nghiên cứu

Hệ tư tưởng Đức có nội dung chính, hoặc ít ra thì cũng là nội dung chiếm phần lớn số lượng trang viết – phê phán “triết học Đức hiện đại” qua các đại biểu của nó là Phoiơbắc, B.Bauơ và Stiécơ. Các nhà “tư tưởng Đức hiện đại” bị quy định bởi lịch sử hiện thực và lịch sử phát triển tư tưởng lúc đó, nên đã đặt trọng tâm vào việc phê phán tôn giáo, lấy phê phán tôn giáo làm tiền đề cho những nghiên cứu triết học của mình. Điều này có thể thấy rõ nhất ở Phoiơbắc với tác phẩm đầu tay bàn về “cái chết và sự bất tử” (1830). Tác phẩm quan trọng nhất trong sự nghiệp của ông – *Bản chất đạo Cơ đốc* (1841) cũng đã đặt tôn giáo trước con mắt phê phán nghiêm khắc. Nhưng, các nhà triết học thuộc “hệ tư tưởng Đức” đều bắt đầu từ triết học của Hêghen; nói cách khác, đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của Hêghen, dù họ luôn tìm cách phê phán và cho rằng mình đã vượt bỏ được ông thầy tư tưởng của mình. Họ phê phán Hêghen nhưng đều hoặc là gạt bỏ hạt nhân biện chứng của triết học Hêghen (như

(15) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr. 52.

(16) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.13, tr. 14 - 15.

(17) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.3, tr. 54.

Phoiơbắc), hoặc chỉ diễn đạt bằng cách khác, rối rắm hơn, tầm thường hơn chính những tư tưởng của Hêghen. Tự cho mình là những nhà phê phán, cái họ phê phán đầu tiên là triết học Hêghen, sau đó là tôn giáo để rồi xây dựng hệ thống của mình. Tất cả họ đều bắt đầu hệ thống của mình bằng “con người”. Nhưng, đó là những “con người” như thế nào và có gì khác biệt so với quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen?

C.Mác và Ph.Ăngghen đặt sự phân tích triết học Phoiơbắc lên vị trí đầu tiên trong tác phẩm bởi, Phoiơbắc là người đối lập mạnh mẽ nhất và có hiệu quả nhất đối với triết học Hêghen (trong số các nhà “triết học Đức hiện đại”) và do đó, có phần gần với quan điểm của các ông hơn cả. Đồng thời, qua việc phê phán Phoiơbắc, các ông cũng dễ dàng đưa ra tư tưởng của mình hơn. Khi xây dựng hệ thống triết học nhân bản của mình, Phoiơbắc cũng bắt đầu từ con người, song, con người trong tư tưởng của ông khác hẳn con người với tư cách xuất phát điểm trong quan niệm của C.Mác và Ph.Ăngghen. Con người của Phoiơbắc là con người trừu tượng, phi lịch sử, đứng bên ngoài lịch sử hiện thực của chính nó: “Phoiơbắc... không bao giờ đi tới được những con người hành động đang tồn tại thực sự, mà ông vẫn cứ dừng lại ở một sự trừu tượng: “Con người” và chỉ đóng khung ở chỗ thừa nhận con người “hiện thực, cá thể, bằng xương, bằng thịt” trong tình cảm thôi, nghĩa là ông không biết đến những “quan hệ con người”, “giữa người với người” nào khác ngoài tình yêu và tình bạn, hơn nữa lại là tình yêu và tình bạn được lý tưởng hóa. Ông không phê phán những điều kiện sinh hoạt hiện tại”(18). Từ con người trừu tượng như vậy, không có gì khó hiểu khi Phoiơbắc sa vào quan điểm duy tâm trong quan niệm về xã hội và lịch sử.

Đối với Phoiơbắc – nhà duy vật duy nhất trong số những đại diện của “triết học Đức hiện đại”, xuất phát điểm nghiên cứu đã có những hạn chế như vậy, thì đối với những nhà triết học còn lại – những người duy tâm chủ nghĩa theo Hêghen trong thực chất và phê phán Hêghen trên danh nghĩa, xuất phát điểm nghiên cứu của họ còn có những hạn chế lớn hơn và làm cho quan điểm của họ về lịch sử trở nên sai lạc.

Xuất phát điểm nghiên cứu của B.Bauơ không phải là con người, mà chỉ là một phần, một yếu tố của con người – tự ý thức. Phê phán xuất phát điểm nghiên cứu này của B.Bauơ, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: “Đáng lẽ là những con người hiện thực và ý thức hiện thực của họ về những quan hệ xã hội của họ, những quan hệ đối lập với họ như một cái gì đó có vẻ độc lập, thì ở ông ta chỉ còn lại công thức trừu tượng trần trụi là: tự ý thức”(19). “Tự ý thức” mang tính “trừu tượng trần trụi” chỉ là một hình thức khác của “tinh thần tuyệt đối” ở Hêghen, tức là duy tâm và tư biện hoàn toàn.

M.Stiécơ cũng là một nhà triết học thuộc phái Hêghen trẻ giống như B.Bauơ, nhưng không nhấn mạnh vào “sự phê phán có tính chất phê phán” hay hoàn toàn trừu tượng hóa “con người” thành “tự ý thức”. M.Stiécơ bắt đầu bằng “con người duy nhất”, cá nhân vị kỷ, “cái Tôi duy nhất” và lấy đó làm xuất phát điểm. “Cái Tôi duy nhất” của M.Stiécơ, theo C.Mác và Ph.Ăngghen, là “cái, hoàn toàn cũng như Trời, là cái Không của tất cả cái khác, cái Tôi là tất cả của Tôi, cái Tôi là Kẻ duy nhất... Tôi là cái Không, theo nghĩa là sự trống rỗng, *nhưng* tôi là cái Không có tính

(18) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr. 64.

(19) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr. 120.

sáng tạo, là cái Không mà từ đó bản thân cái Tôi, với tính cách là kẻ sáng tạo, sáng tạo ra tất cả”(20). Rằng, “cái Tôi duy nhất” được M.Stiécơ định nghĩa như một “thực thể”, tức là hoàn toàn tư biện, nối tiếp truyền thống tư biện của triết học Tây Âu, kể từ Đêcátơ cho đến Hêghen. Ở đó, như C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định, mang rõ nét ảnh hưởng của Hêghen: “Kẻ duy nhất, xét theo quan điểm thực thể, đó là bước đầu của logic “duy nhất” và với danh nghĩa như vậy, đó là sự đồng nhất chân chính giữa “tồn tại” và cái “không” kiểu Hêghen”(21).

Như vậy, có thể nói, “Kẻ duy nhất” với tư cách xuất phát điểm nghiên cứu của M.Stiécơ không chỉ có những điểm khác biệt với “con người trừu tượng” của Phoiơbắc, mà còn đối lập với con người “cá nhân hiện thực” của C.Mác và Ph.Ăngghen. Từ “Kẻ duy nhất”, M.Stiécơ đã xây dựng hệ thống quan điểm tư biện về xã hội, về loài người mà theo đó, con người trong tiến trình phát triển lịch sử của nó chỉ như là sự tự phát hiện ra mình (trải qua ba giai đoạn “tự phát hiện”: trẻ con, thanh niên và người lớn), tự mình tồn tại và phát triển mà không cần đến yếu tố bên ngoài nào. Do đồng nhất “con người” với “Kẻ duy nhất”, M.Stiécơ còn phân tích những vấn đề khác, như sở hữu, kinh tế, giai cấp và chủ nghĩa cộng sản, trong đó “Kẻ duy nhất” không phải cái gì khác mà chính là “kẻ sở hữu”, còn đấu tranh giai cấp cùng với chủ nghĩa cộng sản thì được quan niệm một cách tư biện và ấu trĩ, gây hại cho phong trào hiện thực của giai cấp vô sản. Điều này giải thích vì sao C.Mác và Ph.Ăngghen đã dành một dung lượng lớn để phân tích và phê phán quan điểm của M.Stiécơ.

Từ đó, chúng ta thấy, sự khác biệt lớn nhất trong xuất phát điểm nghiên cứu của C.Mác và Ph.Ăngghen và các nhà “triết học Đức hiện đại” là ở sự khác biệt trong quan niệm về con người. Con người mà C.Mác và Ph.Ăngghen quan niệm là con người “cá nhân hiện thực”, với những quy định của lịch sử và đến lượt nó, con người lại quy định sự phát triển của lịch sử. Còn con người ở các nhà “tư tưởng Đức hiện đại” là con người trừu tượng, phi lịch sử, hay cá nhân vị kỷ – “Kẻ duy nhất”, “cái Tôi duy nhất” được trừu tượng hóa thành “tự ý thức” và hơn nữa, còn được xem xét từ lập trường duy tâm, tư biện và trừu tượng, hoàn toàn xa rời hiện thực. Từ xuất phát điểm này, họ tất phải đi đến những quan điểm duy tâm và trừu tượng về lịch sử và xã hội.

Như vậy, có thể nói, trong *Hệ tư tưởng Đức*, con người được C.Mác và Ph.Ăngghen lấy làm xuất phát điểm cho những nghiên cứu lịch sử là con người “hiện thực”, “những cá nhân hiện thực” với tất cả các mối quan hệ, liên hệ phong phú và phức tạp của họ trong xã hội và lịch sử. Không dừng lại ở đó, các ông còn phân tích và tìm ra hoạt động quan trọng nhất của “những cá nhân hiện thực” là hoạt động sản xuất ra đời sống vật chất và mối quan hệ quan trọng nhất giữa “những cá nhân hiện thực” đó là quan hệ sản xuất (quan hệ vật chất). Từ đó, quan niệm của các ông về lịch sử và sự phát triển của lịch sử đã trở thành quan niệm duy vật về lịch sử, phản ánh đúng đắn lịch sử hiện thực.□

(20) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, tr. 152.

(21) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, tr. 155.